

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục chỉ tiêu tay nghề chương trình đào tạo bác sĩ nội trú
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Quyết định 334/QĐ-TTg ngày 26/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y khoa trực thuộc Đại học Huế thành Trường Đại học Y - Dược trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Nghị quyết 09/NQ-HĐT ngày 28/8/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục chỉ tiêu tay nghề chương trình đào tạo 18 chuyên ngành bác sĩ nội trú.

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| 1. Nội khoa | 10. Ung thư |
| 2. Ngoại khoa | 11. Da liễu |
| 3. Sản Phụ khoa | 12. Nhãn khoa |
| 4. Nhi khoa | 13. Huyết học - Truyền máu |
| 5. Chẩn đoán hình ảnh | 14. Hồi sức cấp cứu |
| 6. Tai Mũi Họng | 15. Tâm thần |
| 7. Răng Hàm Mặt | 16. Truyền nhiễm và bệnh nhiệt đới |
| 8. Y học cổ truyền | 17. Y học gia đình |
| 9. Gây mê hồi sức | 18. Giải phẫu bệnh |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học; Tổ chức, Hành chính, Thanh tra và Pháp chế; Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất; Các Khoa/Bộ môn liên quan và các học viên bác sĩ nội trú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các Bệnh viện thực hành;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Vũ Quốc Huy

**CHỈ TIÊU TAY NGHỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ NỘI TRÚ RĂNG HÀM MẶT**

*(Kèm theo Quyết định 5264/QĐ-ĐHYD ngày 8 tháng 11 năm 2024
của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)*

TT	Mã chỉ tiêu tay nghề	Nội dung tay nghề thực hành	Số lần thực hiện	Số lần đạt yêu cầu
1	RHM.001	Tạo xoang (loại I,II,III, IV,V)+trám	25	25
2	RHM.002	Che tủy	2	2
3	RHM.003	Điều trị tủy răng một chân	10	10
4	RHM.004	Điều trị tủy răng nhiều chân	5	5
5	RHM.005	Điều trị nội nha lại/phục hồi thân răng sau điều trị nội nha	2	2
6	RHM.006	Cạo cao, xử lý bề mặt chân răng 2 hàm	15	15
7	RHM.007	Khám, điều trị tổn thương vùng chẽ	1	1
8	RHM.008	Khám, điều trị tổn thương nội nha-nha chu	2	2
9	RHM.009	Xử lý bề mặt chân răng có lật vạt nha chu	1	1
10	RHM.010	Phẫu thuật làm dài thân răng	1	1
11	RHM.011	Lấy dấu hàm mất răng bán phần nền nhựa bằng Alginate	1	1
12	RHM.012	Gắn phục hình hàm tháo lắp bán phần nền nhựa	1	1
13	RHM.013	Lấy dấu sơ khởi hàm mất răng toàn bộ	1	1
14	RHM.014	Chạy vành khít lấy dấu bằng khay lấy dấu cá nhân	1	1
15	RHM.015	Xác định kích thước dọc (cẩn sáp)	1	1
16	RHM.016	Điều chỉnh và lắp hàm	1	1
17	RHM.017	Sửa soạn mào răng đơn lẻ	2	2
18	RHM.018	Sửa soạn cầu răng	1	1
19	RHM.019	Lấy dấu-gắn mào răng đơn lẻ	2	2
20	RHM.020	Lấy dấu-gắn cầu răng	1	1
21	RHM.021	Phục hồi thân răng bằng chốt kim loại/nhựa	2	2
22	RHM.022	Sửa soạn inlay/onlay/overlay/endocrown	2	2

23	RHM.023	Lấy dấu-gắn inlay/onlay/overlay/endocrown	2	2
24	RHM.024	Khám, đánh giá và lên kế hoạch điều trị phục hình implant trong trường hợp mất răng đơn lẻ	5	5
25	RHM.025	Nhổ răng thường bằng kèm/bẫy	15	15
26	RHM.026	Nhổ răng bằng phương pháp phẫu thuật	15	15
27	RHM.027	Nhổ răng khôn lệch	15	15
28	RHM.028	Tiểu phẫu (bóc u nhỏ)	5	5
29	RHM.029	Phẫu thuật cắt chóp nạo nang	2	2
30	RHM.030	Phụ mổ phẫu thuật hàm mặt	20	20
31	RHM.031	Dẫn lưu abcess+chăm sóc bệnh nhân	2	2
32	RHM.032	Chăm sóc bệnh nhân điều trị nội trú (trước, sau mổ)	20	20
33	RHM.033	Khâu vết thương	30	30
34	RHM.034	Khám, chẩn đoán lâm sàng sai khớp cắn	10	10
35	RHM.035	Phân tích phim chẩn đoán sai khớp cắn	10	10
36	RHM.036	Chăm sóc bệnh nhân trong quá trình điều trị chỉnh nha	5	5
37	RHM.037	Nhổ răng/chân răng sữa trên đối tượng đặc biệt	2	2
38	RHM.038	Trám sâu ngà răng sữa trên đối tượng đặc biệt	10	10
39	RHM.039	Điều trị tủy răng sữa	10	10
40	RHM.040	Điều trị tủy răng vĩnh viễn chưa đóng chóp	3	3
41	RHM.041	Chẩn đoán/điều trị kém khoáng hóa men răng	5	5
42	RHM.042	Tham gia chương trình khám và điều tra sức khỏe răng miệng cộng đồng	2	2
43	RHM.043	Xử lý, phân tích số liệu và báo cáo điều tra SKRM	1	1
44	RHM.044	Thực hiện sản phẩm tuyên truyền nâng cao sức khỏe răng miệng	1	1